

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số:/2024/HĐ/KH

Về việc: Thi công gia cố tạm Hàm dẫn dòng và một số công việc phục vụ khác, Dự án thủy điện Nam Neun 1, tại tỉnh Xiêng Khoảng, CHDCND Lào

Căn cứ Hợp đồng EPC số 01/NN1-CC47&PECC3/JULY 2024 ngày 11/07/2024 đã ký kết giữa Công ty TNHH Thủy điện Nam Neun 1 với Liên danh Nhà thầu Công ty Cổ phần xây dựng 47 và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 về việc Thiết kế, Cung cấp lắp đặt thiết bị và Thi công xây dựng Dự án thủy điện Nam Neun 1, CHDCND Lào.

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2024 tại Công ty Cổ phần Xây dựng 47, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Đại diện: Ông **Dương Minh Quang** Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Số 8 Biên Cương, phường Ngô mây, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: +84 2563 522 166

Fax: +84 2563 5223 162

Mã số thuế: 4100258747

Số tài khoản thanh toán VND: 4968596868 tại Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Sài Gòn.

Số tài khoản thanh toán USD: 7980652009047 tại Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Sài Gòn.

Số tài khoản thanh toán LAK: 100000688686 tại Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Lào.

BÊN B: CÔNG TY

Đại diện: Ông

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Số tài khoản thanh toán VND: tại Ngân hàng, Chi nhánh

Số tài khoản thanh toán LAK: tại Ngân hàng, Chi nhánh Lào.

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thi công gia cố tạm Hàm dẫn dòng và một số công việc phục vụ khác thuộc dự án thủy điện Nam Neun 1, tại tỉnh Xiêng Khoảng, CHDCND Lào đảm bảo yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật, đúng hồ sơ thiết kế được Bên A phê duyệt và tuân thủ các quy định hiện hành, được Bên A chấp thuận nghiệm thu.

- Phạm vi công việc chính của Bên B: Đảm nhận cung cấp nhân lực, các loại máy gồm: máy phun vữa bê tông, máy bơm vữa neo, máy khoan neo, máy hàn, máy cắt uốn thép, máy trộn vữa, máy đầm bê tông,... và vật tư phụ gồm: que hàn, kềm buộc, đá cắt, oxy, khí gas, nhiên liệu... để phục vụ thi công gia cố như lắp dựng vì thép, lắp đặt cốp pha lưới, cốt thép giữ lưới cốp pha, đổ bê tông chèn vì và gia công lắp đặt neo anke cố trong Hàm dẫn dòng; phun bê tông, khoan neo, treo lưới thép, thi công rãnh thoát nước, trồng cỏ, đá xây, đổ bê tông rãnh cửa vào và cửa ra Hàm dẫn dòng; thi công

khoan lắp đặt thép neo mô trụ cầu, lắp dựng cột thép, ván khuôn, đổ bê tông mô trụ cầu tạm C1 và các công việc khác. Cụ thể:

+ Công tác bê tông: Bao gồm lắp, tháo ống bơm, phụ cầu và đổ bê tông hoàn thiện, đục xờm các mặt đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, vệ sinh nền móng bê tông cũ, bảo dưỡng theo quy định.

+ Lưới thép: Bao gồm bốc, vận chuyển, lắp đặt hoàn thiện.

+ Khoan, lắp đặt neo anke: Bao gồm khoan tạo lỗ, gia công thép neo, vận chuyển và lắp đặt, bơm vữa neo, bố trí hàn thép đầu neo phục vụ kéo neo (bao gồm vật liệu, nhân công, máy thi công để hoàn thành công việc). Nếu Bên A thực hiện công tác khoan tạo lỗ thì giá trị khấu trừ khi thanh toán cho bên B tính bằng khối lượng bên A thực hiện nhân với đơn giá công tác khoan được hai bên thống nhất.

+ Lắp dựng vì thép: Bao gồm nhân công phụ bốc lên/ xuống lên ô tô vận chuyển, neo chân vì, giằng vì và lắp đặt hoàn thiện vì. Hàn nối thép giằng từ mép đá ra đến vì đảm bảo đủ điều kiện nghiệm thu.

+ Gia công lắp dựng thép: Bao gồm nhân công phụ bốc lên/ xuống ô tô vận chuyển, nhân công gia công lắp dựng và đánh rỉ thép, máy hàn điện, máy cắt uốn thép; vật liệu phụ như dây thép buộc, que hàn, đá cắt, oxy, khí gas, củi đun,... để hoàn thành công việc. Trường hợp bên B nhận dây thép, que hàn từ bên A thì khối lượng giá trị vật tư này được khấu trừ công nợ, đơn giá chi tiết để khấu trừ công nợ là đơn giá bên A mua tại từng thời điểm vận chuyển đến chân công trình (theo hóa đơn chứng từ mua bán tại thời điểm + 2% chi phí quản lý, kho chứa).

+ Công tác ván khuôn, bao gồm: Nhân công lắp đặt, tháo dỡ ván khuôn; nấu nhúng quét nhựa đường; bảo dưỡng, xếp dọn ván khuôn.

+ Xây đá: Bao gồm nhân công bốc xếp đá từ vị trí tập kết, trộn vữa và xây đá.

+ Khảo sát hiện trường thi công, xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có).

+ Thực hiện các công tác bảo đảm an toàn, bảo vệ và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ; thực hiện các công tác bảo đảm an ninh trật tự cho khu vực công trường; thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm hợp đồng sau khi hoàn thành.

+ Các yêu cầu kỹ thuật của các công tác tuân thủ theo Yêu cầu kỹ thuật phân xây dựng của Dự án và các Tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành có liên quan.

Trong quá trình thi công tùy theo điều kiện thực tế thi công và năng lực của bên B, bên A được phép điều chỉnh lại phần việc phân giao để phù hợp với điều kiện thực tế hiện trường.

- Phạm vi công việc của Bên A:

+ Bên A chuẩn bị mặt bằng thi công, cung cấp các vật tư chính đến vị trí thi công gồm: Bê tông, cốt thép các loại, các chi tiết đặt sẵn, cỏ, đá hộc, rọ đá, đất đắp, đất màu và các loại vật tư thi công khác theo thiết kế....;

+ Cung cấp và chịu chi phí về nguồn điện thi công 3 pha đủ công suất, thông gió, chiếu sáng, nguồn nước thi công đảm bảo theo yêu cầu dự án;

+ Cung cấp ván khuôn, cầu, bơm bê tông;

+ Thực hiện công tác thí nghiệm, kiểm định vật liệu, thiết bị đầu vào; các công tác thí nghiệm hiện trường;

+ Cung cấp nhà ở miễn phí, cung cấp điện, nước sinh hoạt tính phí theo giá Bên A mua thực tế cộng 2% chi phí quản lý của Bên A.

Điều 2: Thời gian thi công

Thời gian và tiến độ thi công chi tiết tuân theo tiến độ thi công chung của Dự án và được thông báo trực tiếp tại hiện trường thi công.

Tiến độ thực hiện dự kiến:

+ Bắt đầu: 10/11/2024.

+ Hoàn thành: 31/08/2025.

Thời gian bắt đầu do Bên A quyết định khi có hiện trường để Bên B triển khai thi công.

Thời gian thực hiện hoàn thành toàn bộ công việc nêu trên bao gồm cả ngày thứ 7, chủ nhật, ngày Lễ, ngày Tết kể từ khi Bên A giao mặt bằng thi công và đủ điều kiện thi công.

Bên B có trách nhiệm cắt cử, bố trí người lao động làm việc, nghỉ ngơi phù hợp để đảm bảo thời gian làm việc.

Bên A có quyền yêu cầu Bên B thi công tăng ca, bổ sung thiết bị (nếu thiết bị hoạt động không ổn định), nhân lực thi công nếu thấy tiến độ không đảm bảo.

Điều 3: Đơn giá và giá trị hợp đồng

– Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

– Tổng giá trị Hợp đồng sau thuế VAT=0% là:VND. Bằng chữ:

đồng Việt Nam.

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá trước thuế (VND)	Thành tiền trước thuế (VND)
	Tổng trước VAT	đồng			7.898.805.431
	Thuế VAT (0%)	đồng			0
	Giá trị sau thuế VAT	đồng			7.898.805.431

– Đồng tiền đơn giá tính toán các công việc trong Hợp đồng và các phụ lục hợp đồng là: Việt Nam Đồng (viết tắt: VND).

– Thuế VAT tại thời điểm ký Hợp đồng là 0% theo Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. Trường hợp có sự thay đổi chính sách liên quan đến thuế VAT đối với hoạt động xây dựng ở nước ngoài thì áp dụng điều chỉnh theo quy định. Bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên A.

– Khối lượng hợp đồng là tạm tính, khối lượng nghiệm thu, thanh toán cho Bên B là khối lượng thực tế thi công được Bên A kiểm tra, chấp thuận nghiệm thu.

– Đơn giá trong Hợp đồng là đơn giá cố định trong suốt quá trình thi công tại Dự án, đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện toàn bộ công việc theo Hợp đồng ngoại trừ Phạm vi công việc của Bên A cung cấp tại Điều 1 nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn các chi phí như: nhiên liệu phục vụ thiết bị, xe máy thi công, nhân công, máy móc thi công, chi phí ăn ở, trả lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tai nạn, bảo dưỡng, làm ca đêm, vệ sinh môi trường, thủ tục ra vào, chi phí vận chuyển vật tư, xe máy thiết bị nhân sự, thuế thu nhập nhà thầu (3%) và thuế thu nhập cá nhân của nhân sự Bên B tại Lào, tiền điện, nước sinh hoạt (theo giá hóa đơn thực tế Bên A thanh toán cộng 2% chi phí quản lý của Bên A),... để thực hiện các nội dung công việc trên.

- Đơn giá trong Hợp đồng chưa bao gồm các chi phí trong Phạm vi công việc của Bên A cung cấp tại Điều 1 nêu trên; chi phí thông quan vật tư, thiết bị từ Việt Nam sang Lào và ngược lại, chi phí này do Bên A thực hiện và chịu toàn bộ (đối với các thiết bị mà Bên B thay thế thiết bị ban đầu thì chi phí này do Bên B chịu).

- Tính thuế thu nhập nhà thầu và thuế thu nhập cá nhân của nhân sự Bên B tại Lào:

- *Thuế thu nhập nhà thầu (3% giá trị thực hiện):*

+ Thuế thu nhập nhà thầu của Bên B được tính theo quy định của Thỏa thuận nhượng quyền và quy định của Chính Phủ Lào.

+ Tiền thuế thu nhập nhà thầu của Bên B được Bên A giữ lại vào phiếu giá thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành theo đợt thanh toán.

+ Bên A giữ lại tiền thuế thu nhập nhà thầu của Bên B và nộp thay cho Bên B, sau đó Bên A sẽ cung cấp chứng từ nộp thuế, xác nhận của Cơ quan thuế Lào cho Bên B.

- *Thuế thu nhập cá nhân của nhân sự Bên B tại Lào:*

+ Nhà thầu phụ có trách nhiệm kê khai, nộp và quyết toán thuế thu nhập cá nhân phát sinh tại Lào theo đúng quy định của Chính phủ Lào.

+ Tiền thuế thu nhập cá nhân được Bên A giữ lại vào phiếu giá thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành theo đợt thanh toán.

+ Bên A giữ lại tiền thuế thu nhập cá nhân và nộp thay cho Bên B. Bên B gửi cho Bên A văn bản đề nghị nộp thay kèm theo hồ sơ kê khai thuế.

Điều 4: Tạm ứng, thanh toán trong hợp đồng

4.1 Tạm ứng:

- Tạm ứng: Bên A tạm ứng cho Bên B 10% tổng giá trị hợp đồng sau thuế, sau khi hợp đồng được hai bên ký kết và Bên A nhận được bản gốc văn bản đề nghị tạm ứng và Thư bảo lãnh tạm ứng tương đương với số tiền tạm ứng từ Bên B.

- Thư bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và là loại bảo lãnh không hủy ngang, hoàn trả vô điều kiện, không cần sự xác nhận của Bên B theo mẫu do Bên A quy định. Chi phí phát hành Thư bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng và chi phí gia hạn (nếu có) do Bên B chi trả.

- Bảo lãnh tạm ứng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi Bên A thu hồi hết giá trị tạm ứng.

4.2 Thanh toán hàng tháng:

- Hàng tháng, căn cứ vào khối lượng công việc hoàn thành thi công, lắp đặt theo giai đoạn của hợp đồng, hai bên xác nhận khối lượng của Bên B đã thực hiện, tiến hành lập biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành và phiếu giá thanh toán. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B giá trị phần còn lại sau khi khấu trừ giá trị tạm ứng theo tỷ lệ tương ứng, 5% giá trị giữ lại bảo hành và các khoản khấu trừ khác (nếu có). Thời hạn thanh toán trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi Bên A nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ từ Bên B (trừ các trường hợp đặc biệt được thông báo cho nhau biết).

- Giá trị thanh toán Bên B hưởng = GTTH – Giá trị giữ lại bảo hành – Giá trị khấu trừ tạm ứng – Các khoản khấu trừ khác như dầu, điện... (nếu có).

- Thanh toán theo đơn giá trong hợp đồng và khối lượng thực tế thi công, khối lượng thực tế phải kèm theo đầy đủ hồ sơ nghiệm thu được kiểm tra, xác nhận của Bên A.

- Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- + Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành tương ứng với các công việc theo hợp đồng đã ký có xác nhận của đại diện hai bên;
- + Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng (kèm xác nhận của kế toán công trường về công nợ giữa hai bên);
- + Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng;
- + Bảng xác nhận công nợ giữa hai bên. Nếu không phát sinh công nợ thì xác nhận: Không có công nợ.
- + Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh ngoài hợp đồng, chiết khấu tiền tạm ứng, giá trị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản trên.
- Hình thức thanh toán: Thanh toán sẽ được thực hiện bằng chuyển khoản đến tài khoản của Bên B như đã nêu ở phần trên của Hợp đồng này.

4.3 Đồng tiền dùng để tạm ứng và thanh toán:

- Đồng tiền tạm ứng: 100% bằng tiền Việt Nam.
- Đồng tiền thanh toán: 10% tổng giá trị Hợp đồng thanh toán bằng đồng tiền LAK và 90% tổng giá trị Hợp đồng thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam (VND). Tỷ giá giữa VND và LAK sẽ là tỷ giá bán ra giữa VND/LAK do Ngân hàng Trung ương Lào công bố tại thời điểm Bên A thanh toán cho Bên B.

Điều 5: Chất lượng & các yêu cầu kỹ thuật công trình

Bên B có trách nhiệm thực hiện thi công đảm bảo chất lượng, yêu cầu kỹ thuật được quy định theo hợp đồng gốc được ký giữa Chủ đầu tư công trình với bên A, quy phạm hiện hành và được chủ đầu tư chấp nhận nghiệm thu.

Bên B có trách nhiệm thực hiện mọi yêu cầu về môi trường được quy định theo hợp đồng gốc được ký giữa chủ đầu tư công trình với bên A.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Bắt đầu và hoàn thành công trình đúng thời gian quy định.
- Tổ chức (nhân lực, kỹ thuật, thiết bị...) công trình đúng hồ sơ thiết kế được duyệt, đảm bảo chất lượng kỹ thuật, mỹ thuật và tiến độ thi công.
- Chấp hành sự hướng dẫn của Bên A (các thành viên có trách nhiệm) và tư vấn giám sát do chủ đầu tư thuê.
- Chịu trách nhiệm về sai sót do lỗi của Bên B gây ra trong suốt quá trình thi công công trình.
- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động và vệ sinh môi trường ở hiện trường và chịu trách nhiệm đối với việc mua bảo hiểm vật tư, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm tai nạn đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba.
- Chấp hành nghiêm túc mọi vấn đề về phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật và của chủ đầu tư công trình.
- Không được chuyển nhượng hay giao lại bất kỳ khối lượng công việc nào cho một nhà thầu khác khi chưa có sự đồng ý của Bên A.
- Công trình sau khi đã hoàn thành, việc di chuyển xe máy, thiết bị và nhân công ra khỏi công trường phải đảm bảo trật tự an toàn và hoàn trả mặt bằng trở về hiện trạng cảnh quan ban đầu.
- Bên B chịu trách nhiệm bảo quản các vật tư do Bên A cấp để phục vụ thi công và sử dụng trong định mức hao hụt quy định, cụ thể:
 - + Vôi thếp: 0%;
 - + Lưới thép: 10%;
 - + Cốt thép: 3%;

- + Bê tông: 1,5%;
- + Vữa phun vẩy: 30%;
- + Các vật tư khác: 0%.

Nếu bên B sử dụng các vật tư vượt so với mức quy định trên thì bên B phải chịu chi phí cho phần vật tư tăng thêm áp theo đơn giá vật liệu bên A mua theo thời điểm đến chân công trình, cộng với 2% chi phí quản lý, kho chứa và được khấu trừ vào thanh toán khối lượng hoàn thành tương ứng của bên B.

- Bên B không được công bố, cho phép công bố hoặc tiết lộ bất kỳ chi tiết nào của Hợp đồng này trong bất kỳ tài liệu thương mại hoặc kỹ thuật nào hoặc ở bất kỳ tài liệu nào khác mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A.

- Xuất hóa đơn theo quy định cho Bên A. Mức thuế VAT áp dụng theo qui định hiện hành tại thời điểm nghiệm thu.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- Cử và thông báo cán bộ có trách nhiệm giám sát việc thi công và nghiệm thu công trình đến cho Bên B biết để phối hợp thực hiện.

- Cung cấp bộ hồ sơ bản vẽ, chỉ tiêu kỹ thuật và hướng dẫn cần thiết cho Bên B đối với việc thi công công trình.

- Cung cấp và chịu chi phí các vật tư, thiết bị trong Phạm vi công việc của Bên A tại Điều 1 nêu trên.

- Bàn giao mặt bằng thi công để Bên B thi công đúng theo nội dung của hợp đồng.

- Có quyền từ chối nghiệm thu thanh toán các khối lượng công việc mà Bên B không thi công, các hạng mục công trình thi công không đúng thiết kế và các hạng mục thi công chậm so với tiến độ đề ra làm ảnh hưởng đến tiến độ chung của công trình.

- Có quyền thu hồi một phần khối lượng theo Hợp đồng để thực hiện hoặc giao cho nhà thầu khác thực hiện nếu Bên B không đảm bảo tiến độ theo Hợp đồng mà do lỗi của Bên B gây ra. Nếu Bên B thực hiện phần việc được giao đạt tiến độ và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật được chủ đầu tư chấp nhận Bên A sẽ giao tiếp một phần khối lượng còn lại để Bên B thực hiện.

- Trường hợp có phát sinh khối lượng ngoài hợp đồng trong phạm vi Bên B thi công nhưng không do lỗi Bên B gây ra mà được Bên A chấp nhận thì sẽ được tính vào khối lượng do Bên B thực hiện.

- Lập hồ sơ quản lý chất lượng, hồ sơ nghiệm thu, thanh toán với Chủ đầu tư và nghiệm thu lại cho bên B.

- Bơm tiêu nước hố móng công trình (Bơm có công suất lớn).

- Cử cán bộ kỹ thuật nghiệm thu công việc xây dựng do bên B thực hiện và tham gia nghiệm thu hoàn thành trước khi đổ bê tông cùng Giám sát của Chủ đầu tư.

- Tạm ứng, thanh toán cho Bên B theo đúng cam kết của hợp đồng.

- Các nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật.

Điều 8: Bảo hành công trình

- Bên B tổ chức khắc phục sau khi có yêu cầu của bên A và phải chịu mọi phí tổn khắc phục.

- Bên A giữ lại số tiền bảo hành công trình bằng 5% (năm phần trăm) giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng.

- Tiền giữ lại bảo hành công trình sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B sau khi kết thúc thời hạn bảo hành hoặc khi Bên B nộp cho Bên A chứng thư bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh không hủy ngang, hoàn trả vô điều kiện, không cần sự xác nhận của

Bên B, với giá trị tương ứng do ngân hàng được Bên A chấp thuận với thời hạn 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Trong thời gian bảo hành, Bên A cần thông báo cho Bên B về những hư hỏng liên quan tới công trình do lỗi của Bên B gây ra. Bên B có trách nhiệm kiểm tra, khắc phục các sai sót bằng chi phí của mình, bắt đầu trong vòng không quá 05 ngày làm việc sau khi nhận được thông báo từ Bên A.

- Nếu quá thời hạn này mà Bên B không thực hiện các công việc sửa chữa và/hoặc việc sửa chữa không hoàn tất trong khoảng thời gian Bên A đã định mà không có lý do chính đáng, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và thuê Nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này. Toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Bên B chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Bên B và thông báo cho Bên B giá trị trên, Bên B buộc phải chấp thuận.

Điều 9: Thương, phạt khi vi phạm hợp đồng

- Thương hợp đồng: Không áp dụng.

- Phạt vi phạm chất lượng: Nếu Bên A phát hiện sản phẩm do Bên B thực hiện không đạt yêu cầu chất lượng như đặc tính kỹ thuật trong bản vẽ thiết kế được phê duyệt thì Bên B phải thay thế mới sản phẩm đó bằng kinh phí của mình và bồi thường các thiệt hại phát sinh (nếu có) đối với Bên A.

- Phạt vi phạm gian hoàn thành hợp đồng: Bên B chậm tiến độ sẽ bị phạt hợp đồng cho mỗi ngày chậm hơn ngày hoàn thành dự kiến là 0,01% giá trị hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày nhưng tổng số tiền phạt không vượt quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Điều 10: Giải quyết tranh chấp trong hợp đồng xây dựng

- Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.

- Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên thì yêu cầu tòa án cấp thẩm quyền tại tỉnh Bình Định giải quyết.

Điều 11: Thanh lý hợp đồng xây dựng:

- Ngay sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng, các bên tham gia tiến hành thanh lý và chấm dứt hiệu lực của hợp đồng cũng như mọi nghĩa vụ có liên quan khác.

- Việc thanh lý hợp đồng phải được thực hiện xong trong thời gian bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày các bên tham gia hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Điều 12: Hiệu lực của hợp đồng:

- Hợp đồng xây dựng có hiệu lực kể từ ngày Bên B nhận được tiền tạm ứng theo quy định của Hợp đồng.

- Hợp đồng làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc

ĐẠI DIỆN BÊN A
Tổng giám đốc